

## KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT

STT	Hạng mục	Đvt	Khối lượng	Ghi chú
<b>I. STEEL WORK</b>				
1	Supply Shape. Steel (A36 or SS400)	Ton	477.99	Possco Việt Nam, đối với các hạng mục Possco Việt Nam không sản xuất thì lựa chọn Hoà Phát, các mục Possco và Hoà Phát không sản xuất thì có thể đề xuất China (cho các shape steel phụ)
2	Supply plate (A36 or SS400)	Ton	38.24	A36 hoặc SS400 tuân thủ theo bản vẽ và Spec của Dự án
3	Fab. & Transportation & Installation	Ton	516.23	
4	Purlin (Galvanized.)	Ton	20.60	SMC/Hoa Sen/Dong A/Nam Kim or equivalent
5	High Strength Bolt (Galvanized): - M20 JIS B1186(F8T) or ASTM A325 Type 1 and nuts to ASTM 563, Grade DH -Hot-dip galvanized.	Ton	42.01	Tan Co/Khai Nguyen/VF/Anh Phuong or equivalent Sử dụng bulon theo tiêu chuẩn DIN cấp bền 8.8 tương đương F8T
6	Auxiliary Bolt grade 4.6 (H.D.G)	Ton	1.34	Tan Co/Khai Nguyen/VF/Anh Phuong or equivalent
7	Paint on Steel STR. (Non-fire proofing)	M2	10,561.95	Hempel/International/Jotun, ...-Tổng bề dày 250-micron DFT Màu RAL 7038 – Agate Grey Operating temp: 120 degrees Coating system no: PS1 •Primer coat: Two pack, self-curing, Zinc Silicate – 75 microns •Intermediate coat: Two pack, micaceous Iron oxide pigmented epoxy – 125 microns •Topcoat: Two pack acrylic modified polyurethane – 50 microns
8	Paint on Steel STR. (Fire proofing)	M2	2,343.75	Hempel/International/Jotun, ... (Không bao gồm: lớp chống cháy, lớp sơn phủ hoàn thiện)-Tổng bề dày 300-micron DFT Màu RAL 7038 – Agate Grey Operating temp: 120 degrees Coating system no: PS2 •Primer coat: Two pack Epoxy phenolic: 150 microns •TOP coat: Two pack Epoxy phenolic: 150 microns
9	RB12 SAG Rod	m	312.40	
10	Bracing cable D20	m	68.00	
11	Metal Sheet (Roof) 0.53 mm THK	M2	994.55	SGCC/Hoa Sen/Dong A 5 sóng vuông bản vít
12	Metal Sheet (Wall) 0.53 mm THK	M2	1,703.28	SGCC/Hoa Sen/Dong A 5 sóng vuông bản vít
13	Insulation roof	M2	994.55	Viet Nam/China Cách nhiệt mái bông thủy tinh dày 50mm. Tỷ trọng 12 kg/m3
	Phụ kiện: lưới inox+giấy bạc	M2	994.55	
14	Flashing	m	573.49	SGCC/Hoa Sen/Dong A
15	Floor Drain, SS304	Nos	2.00	
16	Roof Drain, Φ=100 Cast Iron	Nos	46.00	
17	Eaves Gutter, 300x300, THK.1.2, SS304	M	197.80	Inox 304/BA or 2B Bề mặt BA: Bề mặt này sáng bóng, đẹp mắt có thể soi gương mờ được nên có thể nhìn vật thể như trên gương. Bề mặt 2B: Đây là bề mặt sáng mờ, được đánh bóng đều ở cả hai mặt nhưng không nhìn thấy rõ được vật thể và nhẵn hơn so với bề mặt No.2D.

STT	Hạng mục	Đvt	Khối lượng	Ghi chú
18	Grating H.D.G -For floor -Hot-dip Galvanized, Open Grid Type Grating, Bearing bar : 32 mm x 5mm Bearing bar pitch : 30 mm (Max.) Cross bar : 6 mm (twisted) Cross bar pitch : 100 mm(Max.)	M2	68.00	
19	Handrail (see standard drawing)	M	192.00	
20	Ladder without cage (see standard drawing)	M	21.00	
21	Cage ladder (see standard drawing)	M	21.00	
<b>Notes:</b>				
1. Quantity is exported from model in software and added percentage for contingency. This BOM is only for reference. It is required that SUB-CONTRACTOR have to re-calculate the quantities for procurement or any other purposes.				
2. This is based on the IFA drawings, the parts marked with "HOLD" are excluded in this BOM. It will be updated after hold release.				
3. Length of steel members is calculated based on center line to center line.				
4. Joints or connections shall be followed as standard drawing and is not considered in this BOM.				
5. Additional allowance is not considered such as fabrication loss, etc. (Net BM)				
6. BOM of some items listed below is assumed at a ratio of structural steel weight				
	- Steel Plate			
	- H.S.B			
	- Painting			
	- Common bolt			